

Du lịch cộng đồng trên thế giới: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn

Nguyễn Công Thảo¹, Nguyễn Thị Thanh Bình¹

¹ Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: writervn@yahoo.com

Nhận ngày 5 tháng 5 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 6 năm 2019.

Tóm tắt: Bài viết này giới thiệu một số quan điểm căn bản về du lịch cộng đồng của các học giả trên thế giới. Ba nội dung chính được thảo luận bao gồm: khái niệm, nguồn lực và phương thức triển khai hoạt động du lịch cộng đồng, cũng như tính bền vững của loại hình du lịch này. Kết quả tổng quan cho thấy, sự tham gia của người dân địa phương là yếu tố quan trọng, quyết định sự thành công cũng như tính bền vững của hoạt động này trên các phương diện kinh tế, văn hóa và môi trường.

Từ khóa: Du lịch cộng đồng, người dân địa phương, thế giới.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: This article introduces some fundamental views about community-based tourism by scholars in the world. The three main contents discussed include the concept, resources and methods of implementing community-based tourism activities, as well as the sustainability of the type of tourism. The overall results show that the participation of local people is an important factor, determining the success and sustainability of the activities from the economic, cultural and environmental perspectives.

Keywords: Community-based tourism, local people, the world.

Subject classification: Ethnology

1. Đặt vấn đề

Du lịch cộng đồng (DLCD) bắt đầu phát triển mạnh ở nước ta từ đầu những năm 2000. Đây là loại hình hoạt động phù hợp với điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội của đất nước cũng như xu thế lựa chọn của nhiều

khách du lịch trong và ngoài nước. Tuy nhiên, cho đến nay, việc xây dựng chiến lược quốc gia nhằm thúc đẩy quá trình phát triển có hệ thống, hiệu quả, bền vững cho hoạt động DLCD vẫn chưa được hoàn thiện. Hầu hết các mô hình hoặc hoạt động tự phát hoặc do địa phương hay các tổ chức quốc tế

hỗ trợ, mang tầm ngắn hạn và khó có thể triển khai ở phạm vi rộng. Bài viết này² giới thiệu DLCĐ trên thế giới, bao gồm: khái niệm; sự phát triển hoạt động DLCĐ; và tính bền vững của loại hình du lịch này.

2. Khái niệm du lịch cộng đồng

DLCĐ được xuất hiện từ những năm 1970 và cho đến nay đã phát triển phổ biến ở hầu hết các châu lục, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số (DTTS) ở Châu Phi, khu vực Mỹ Latinh và Châu Á. Rozemeijer định nghĩa DLCĐ là hoạt động du lịch được sở hữu, khởi xướng bằng một hay vài cộng đồng địa phương, có sự liên kết với khối tư nhân nhằm tận dụng nguồn tài nguyên tự nhiên cũng như văn hóa một cách bền vững để thu hút khách du lịch, tăng thu nhập và cải thiện sinh kế [15]. Ashley.C cho rằng, DLCĐ chủ yếu là loại hình du lịch ở quy mô nhỏ và song hành hướng đến cả mục đích phát triển kinh tế và phát triển xã hội [3]. Ở một cách nhìn khá tương đồng, Goodwin and Santilli quan niệm DLCĐ là hoạt động du lịch được sở hữu hoặc quản lý bởi cộng đồng nhằm tạo ra lợi ích lớn hơn cho cộng đồng [7, tr.1-37]. Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên cho rằng, DLCĐ là hoạt động “mà ở đó cộng đồng địa phương trực tiếp tham gia và nắm vai trò quan trọng trong việc quản lý và phát triển. Phần lớn lợi ích thu được thuộc về cộng đồng” [22]. Hausle và Strasdas khẳng định DLCĐ ngoài ý nghĩa là loại hình du lịch có sự tham gia tích cực, chủ động của người dân vào mọi mắt xích, còn trực tiếp đóng góp vào phát triển kinh tế cho người dân và cho cả địa phương [13].

Theo quan điểm được đưa ra trong bộ “Tiêu chuẩn về du lịch cộng đồng” được các

quốc gia Đông Nam Á đồng thuận năm 2016, DLCĐ là hình thức du lịch được sở hữu, vận hành, điều phối và quản lý bởi cộng đồng nhằm hướng tới việc cải thiện điều kiện kinh tế cộng đồng thông qua các hoạt động hỗ trợ sinh kế bền vững, duy trì và bảo vệ các truyền thống văn hóa xã hội có giá trị, cũng như các nguồn tài nguyên thiên nhiên [2]. Theo đó, DLCĐ được cho là phải đạt được 10 tiêu chí sau: (1) Trao quyền và có sự tham gia của cộng đồng nhằm đảm bảo nền quản trị và quyền sở hữu minh bạch; (2) Thiết lập quan hệ hợp tác với các bên liên quan; (3) Đạt được sự thừa nhận đúng đắn từ phía cơ quan chức năng có thẩm quyền; (4) Cải thiện điều kiện kinh tế cũng như các giá trị nhân văn; (5) Duy trì cơ chế chia sẻ lợi ích minh bạch, công bằng; (6) Tăng cường gắn kết nền kinh tế khu vực và địa phương; (7) Tôn trọng truyền thống và văn hóa địa phương; (8) Góp phần bảo tồn tự nhiên; (9) Cải thiện chất lượng trải nghiệm cho khách du lịch thông qua việc thúc đẩy sự tương tác giữa khách và chủ; (10) Hướng tới tự chủ về tài chính.

Có thể thấy, sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong các cách nhìn về DLCĐ là việc thừa nhận sự tham gia chủ động của cộng đồng địa phương là điều kiện tiên quyết, là bản sắc tạo ra sự khác biệt với các loại hình du lịch khác. Về tổng thể, hoạt động DLCĐ phải từ cộng đồng, do cộng đồng và vì cộng đồng.

3. Phát triển hoạt động du lịch cộng đồng

3.1. Các giá trị có thể khai thác

Theo Quỹ Châu Á, DLCĐ thường diễn ra dưới các hình thức sau: (1) Du lịch sinh thái; (2) Du lịch văn hóa; (3) Du lịch nông nghiệp; (4) Du lịch bản địa; (5) Du lịch làng. Đối tượng tìm đến loại hình DLCĐ

thường muốn tự trải nghiệm đời sống văn hóa, nhịp sống thường ngày, môi trường tự nhiên hoang sơ [1]. Vì lẽ đó, bản sắc văn hóa tộc người và điều kiện cũng như cảnh quan sinh thái địa phương là hai trong nhiều giá trị quan trọng có thể khai thác trong hoạt động DLCĐ [4, tr.48-70]. Mỗi cộng đồng, dân tộc thường có bản sắc riêng và đây là tiền đề, điểm tựa để phát triển DLCĐ bởi khách du lịch luôn có tâm thế muốn trải nghiệm những điều mới mẻ, khác với trải nghiệm thường ngày của họ [16, tr.89-116]. Lựa chọn này còn đem lại cảm giác “về nguồn”, quay trở lại lịch sử cho du khách [11, tr.566-591]. Khác với loại hình du lịch giải trí thông thường, khách du lịch với mục đích tìm hiểu bản sắc văn hóa thường có nhu cầu thu thập kiến thức một cách hệ thống, sâu về văn hóa của một cộng đồng, dân tộc nào đó. Chính vì thế, họ thường định kỳ đi thăm với sự lựa chọn địa điểm có chủ đích thay vì ngẫu nhiên và điều đó dẫn đến sự ra đời của khái niệm du lịch văn hóa [12]. Vai trò của cộng đồng địa phương nhờ đó hết sức quan trọng bởi họ là đối tượng trực tiếp trình diễn, chia sẻ, diễn giải các giá trị văn hóa ấy cho du khách.

3.2. Sự tham gia của các bên liên quan

DLCĐ cần phải kết hợp 3 yếu tố để có thể vận hành một cách hiệu quả, bền vững: (1) sự hỗ trợ và tham gia của người địa phương; (2) Bảo vệ bản sắc văn hóa của người dân cũng như môi trường sở tại; (3) Lợi ích hướng tới đa đến người dân địa phương [16, tr.89-116]. Sau khi tiến hành nghiên cứu hoạt động du lịch ở 3 công viên quốc gia của Nhật Bản, Hiwasaki chỉ ra 4 nhân tố dẫn đến sự thành công ở đây bao gồm: (1) Sắp xếp về tổ chức; (2) Nội quy

liên quan đến bảo tồn; (3) Ý thức tốt về bảo vệ môi trường; (4) Sự bền chặt của quan hệ hợp tác giữa các bên liên quan [10]. Đây là 4 yếu tố quan trọng, có thể áp dụng, nhân rộng ở các địa bàn khác. Trong một nghiên cứu ở bản Mae Kampong nằm ở phía Bắc Chiang Mai, nơi hoạt động DLCĐ cực kỳ phát triển và được biết đến ở bình diện quốc gia, các tác giả đã chỉ ra 3 nhân tố đóng vai trò quan trọng trong thành công của mô hình DLCĐ ở đây, bao gồm: (1) Các điều kiện tự nhiên, địa lý thuận lợi; (2) Sự hỗ trợ hiệu quả từ bên ngoài; (3) Sự đổi mới trong quản lý [8, tr.4-23], [9].

Theo Goodwin và Rosa Santilli, để đạt được hiệu quả bền vững, các thành phần chính tham gia vào hoạt động DLCĐ cần bao gồm: Cộng đồng địa phương, trực tiếp là các hộ dân sống trong khu vực triển khai hoạt động DLCĐ, những người cam kết tham gia vào hoạt động này. Họ vừa là người sở hữu, vận hành, quản lý và thụ hưởng phần lợi ích quan trọng thu được từ hoạt động DLCĐ; doanh nghiệp, công ty du lịch trong tiếp cận thị trường, tìm hiểu và tìm kiếm khách hàng, tổ chức, cung cấp vốn đầu tư và các dịch vụ làm cầu nối đưa du khách đến các điểm du lịch; chính quyền địa phương đóng vai trò trung gian, giữa các doanh nghiệp, công ty du lịch với cộng đồng địa phương và có thể đưa ra phán quyết phân xử khi có tranh chấp. Đây cũng là nơi có thể cung cấp các nguồn lực bổ sung quan trọng cho việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động DLCĐ; các tổ chức phát triển có vai trò hỗ trợ về mặt nâng cao năng lực, kỹ năng làm du lịch cho cộng đồng và một phần nhỏ về mặt tài chính, giúp cộng đồng có đủ năng lực để tham gia vào DLCĐ ở giai đoạn đầu; truyền thông góp phần quảng bá sản phẩm

du lịch, cung cấp những thông tin căn bản ban đầu cho thị trường; khách du lịch đóng vai trò quyết định đến sự tăng trưởng, bền vững của hoạt động DLCĐ [7].

Tiếp cận dưới lăng kính lập kế hoạch, Reid cho rằng để hoạt động DLCĐ hiệu quả, bền vững, người dân địa phương cần được tham gia ngay từ khâu lập kế hoạch và điều này giúp cho việc xác định các điểm du lịch, mức độ tổ chức, phát triển du lịch [14]. Chỉ khi những quyết định này được đưa ra bởi cộng đồng, họ mới thực sự sở hữu, quản lý và vận hành hoạt động du lịch trên mảnh đất của mình.

Quan điểm của Reid được củng cố qua nghiên cứu trường hợp của Harwood ở West Papua. Harwood đặc biệt nhấn mạnh cách tiếp cận dựa trên cộng đồng và lãnh thổ cho việc lập kế hoạch phát triển DLCĐ, đặc biệt cần thiết ở các khu vực hẻo lánh nơi mật độ dân số thấp, có nhiều nhóm địa phương khác nhau và ảnh hưởng của luật tục địa phương vẫn còn rõ nét trong việc quản lý tài nguyên thiên nhiên. Sự tham gia của cộng đồng địa phương được thừa nhận đảm bảo cho tính bền vững của hoạt động du lịch [18, tr.1909-1923].

4. Tính bền vững của hoạt động du lịch cộng đồng

Weaver và Lawson cho rằng, hoạt động DLCĐ chỉ có thể hiệu quả, bền vững khi đồng thời đảm bảo được ba mục tiêu: (1) Kinh tế bền vững; (2) Văn hóa, xã hội bền vững; (3) Môi trường bền vững. Hoạt động DLCĐ giống như nhiều hoạt động kinh tế khác, dĩ nhiên có những tác động nhất định đến các DTTS, dưới nhiều màu sắc khác nhau, cả tích cực và tiêu cực [6]. Dưới góc

độ kinh tế, mô hình DLCĐ sẽ góp phần tăng cường các thể chế để thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương và thúc đẩy phát triển kinh tế. Nó cũng hướng đến việc đưa ra cách tiếp cận hài hòa, điều tiết trong phát triển thông qua nhấn mạnh việc cân lưu tâm đảm bảo sự hòa hợp, tương thích giữa các mô hình phát triển với các yếu tố khác của nền kinh tế địa phương; chất lượng của phát triển dưới khía cạnh văn hóa và môi trường [4, tr.48-70]. Tuy nhiên, việc xác định các hộ gia đình và cộng đồng địa phương có được hưởng lợi và sinh kế của họ có được cải thiện hay không từ DLCĐ, chỉ có thể nhận diện được khi chi phí dành cho việc khởi xướng hoạt động này ít hơn nhiều so với lợi ích tổng thể thu được. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi những nhóm nghèo thường e ngại từ bỏ các hoạt động tự cung tự cấp quen thuộc để tham gia vào hoạt động mới mẻ này bởi họ thiếu nguồn lực và e ngại rủi ro [4, tr.48-70].

Phân hóa giàu nghèo có thể là những hệ lụy không mong muốn khi phát triển DLCĐ do có sự khác biệt về điều kiện kinh tế, trình độ nhận thức, khả năng tiếp cận với nguồn lực khác nhau giữa các nhóm tộc người; giữa các hộ trong cùng một tộc người. Điều đó có thể dẫn đến tâm thế tham gia khác nhau, dẫn đến việc hưởng lợi không bình đẳng giữa các hộ dân trong cùng 1 làng, bản. Chính vì thế, mối quan hệ quyền lực giữa các bên liên quan trong việc vận hành DLCĐ cũng là một vấn đề cần được làm rõ và đồng thuận ngay từ khi xây dựng dự án [11, tr.566-591]. Mục đích cuối cùng của DLCĐ là hướng tới việc nâng cao năng lực cho cộng đồng địa phương ở 4 cấp độ: kinh tế, tâm lý, xã hội và chính trị [17, tr.59-62]. Đây được cho là chuỗi giá trị mà

DLCĐ đem lại cho người dân: ban đầu là cải thiện sinh kế và mức cao nhất là cải thiện địa vị chính trị. Bên cạnh đó, sự phát triển của DLCĐ một phần xuất phát từ nhu cầu bảo tồn tự nhiên. Các nhà hoạt động môi trường nhận thức được rằng, khó có thể duy trì các khu bảo tồn nếu không có sự hỗ trợ từ các cộng đồng địa phương. Các tổ chức bảo tồn nhìn nhận mô hình quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng là một phương thức hữu hiệu. Dưới lăng kính đó, DLCĐ được coi là tạo dựng được lợi ích kép: bảo tồn tự nhiên và phát triển cộng đồng [21, tr.104-105].

Sử dụng du lịch như là biện pháp kích thích phát triển kinh tế, giảm nghèo được thúc đẩy từ những năm 1970 và gần đây có khuynh hướng chuyển trọng tâm sang mô hình du lịch sinh thái, du lịch giảm nghèo và DLCĐ. Quá trình này thể hiện khá rõ nét ở Lào, nơi mà khách du lịch quốc tế cung cấp một nguồn ngoại tệ quan trọng, có ảnh hưởng đến tỷ giá tiền tệ, tình hình việc làm và thậm chí là chiến lược giảm nghèo của chính phủ. DLCĐ từ đầu những năm 2000 đã có ảnh hưởng lớn đến việc quốc gia này nhận tài trợ để phát triển cơ sở hạ tầng từ nhiều tổ chức quốc tế. Dự án Nam Ha là một trong những minh họa rõ nét cho việc DLCĐ đóng góp như thế nào vào xóa đói, giảm nghèo; phát triển vốn văn hóa, tài chính; sự phát triển của khối doanh nghiệp tư nhân [5].

Dưới phương diện văn hóa, trong quá trình phát triển hiện nay, văn hóa của các DTTS có xu thế mai một dưới tác động của nhiều yếu tố: hỗn cư, di dân, đô thị hóa, toàn cầu hóa. Thúc đẩy DLCĐ sẽ góp phần thương mại hóa các sản phẩm văn hóa, giới thiệu các giá trị văn hóa địa phương, tộc người tới mạng lưới rộng hơn. Điều này

giúp các cộng đồng thiểu số có thêm nguồn lực tài chính, động cơ lưu giữ, bảo tồn các giá trị, thực hành văn hóa của mình. Đây là thực tế đã được chứng minh ở nhiều nước trong khu vực như Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Indonesia hay nhiều nước ở Châu Phi [4, tr.48-70].

Dưới phương diện xã hội, DLCĐ tạo việc làm, tăng thu nhập góp phần xóa đói giảm nghèo cho một bộ phận người DTTS. Hoạt động này cũng góp phần nâng cao dân trí, kỹ năng làm thương mại, dịch vụ cho họ, giúp họ gắn kết hơn vào dòng chảy của quốc gia thay vì sống biệt lập như trước đây. Đây là lựa chọn tối ưu, giúp các DTTS tận dụng nguồn lực tại chỗ của mình để tạo ra thu nhập, hợp tác, giao lưu với các tộc người khác, các nhóm đến từ nền văn hóa khác. Biên giới văn hóa, tộc người của họ nhờ đó sẽ được mở rộng hơn, vị thế xã hội sẽ được nâng cao hơn. Nhờ quá trình này, khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, năng lực hội nhập, tham gia dòng chảy phát triển quốc gia, khu vực của các DTTS sẽ được nâng cao. Mức độ phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp trong cơ cấu thu nhập của họ sẽ từng bước được giảm bớt nhờ việc đa dạng hóa nguồn thu nhập từ thương mại, dịch vụ phục vụ khách du lịch. Ngoài ra, vai trò của DLCĐ không chỉ thể hiện trong lĩnh vực giảm nghèo, phát triển kinh tế mà còn có đóng góp quan trọng trong tạo việc làm, nâng cao vị thế của nữ giới, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường và chất lượng chăm sóc y tế như một nghiên cứu ở El Salvador đã chỉ ra [19, tr.69-84].

Dưới phương diện môi trường, hoạt động DLCĐ cũng góp phần bảo vệ môi trường tự nhiên, đặc biệt là rừng. Hầu hết các DTTS ở nước ta sinh sống dựa vào sản xuất nông nghiệp. Việc thiếu đất sản xuất

như nhiều báo cáo đã chỉ ra là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng canh tác trái phép trên đất rừng, phá rừng, khai thác lâm, hải sản, tài nguyên khoáng sản trái phép. Hoạt động DLCĐ thông qua mô hình du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm một khi được triển khai sẽ giúp người dân địa phương nhận thức tốt hơn về giá trị của rừng và qua đó từng bước hạn chế nạn phá rừng trái phép [20, tr.117-31].

5. Kết luận

Mặc dù thừa nhận DLCĐ là một hướng đi bền vững, góp phần cải thiện sinh kế cho các cộng đồng địa phương cũng như bảo vệ thiên nhiên, không ít nghiên cứu đã chỉ ra rằng mô hình du lịch này chưa thực sự thành công như kỳ vọng ở nhiều nơi. Có quan ngại cho rằng, liệu người dân địa phương có nhận được lợi ích tương xứng với những gì họ cống hiến hay phần lớn lợi ích từ loại hình du lịch này rơi vào các nhóm khác và liệu loại hình này có tồn tại bền vững trong tương lai [21, tr.104-105]. Quan ngại này được Scheyvens ủng hộ khi cho rằng, hầu hết các hoạt động DLCĐ được chủ động khởi xướng bởi các mạng lưới, tổ chức bên ngoài chứ không phải bản thân người dân địa phương và vì thế các nhóm địa phương thường tham gia với tâm thế bị động và là nhóm hưởng lợi thứ yếu [17, tr.59-62].

Kết quả tổng quan cho thấy, sự tham gia của người dân địa phương là yếu tố quan trọng, quyết định sự thành công cũng như tính bền vững của hoạt động này trên các phương diện kinh tế, văn hóa và môi trường. Dù chỉ giới hạn trong một số nghiên cứu,

những thảo luận trong bài viết này có thể được sử dụng như nguồn tư liệu tham khảo cho việc xây dựng chiến lược, chính sách phát triển hoạt động DLCĐ ở nước ta, đặc biệt ở khu vực vùng DTTS. Như nhiều học giả đã chỉ ra, nếu hoạt động này được vận hành đúng đắn, có sự tham gia bình đẳng, tích cực của các bên liên quan, tác động tích cực của nó sẽ không chỉ trong phạm vi kinh tế, mà cả dưới phương diện văn hóa, xã hội và môi trường. Đây là điều kiện tiên quyết cho mục tiêu phát triển bền vững.

Chú thích

² Bài viết này là sản phẩm của Đề tài “Giải pháp xây dựng tổng thể sản phẩm và điểm đến du lịch gắn với khai thác tối ưu các giá trị của Hà Giang trong phát triển du lịch bền vững”, Mã số: ĐTXH.HG-06/18.

Tài liệu tham khảo

- [1] Quỹ Châu Á, Viện Nghiên cứu phát triển ngành nghề nông thôn Việt Nam (2012), *Tài liệu hướng dẫn phát triển du lịch cộng đồng*, Hà Nội.
- [2] ASEAN (2016), *ASEAN community - based tourism*, Secretariat, Jakarta.
- [3] Ashley.C (2006), *How can governments boost the local economic impacts of tourism?*, Options and Tools, ODI, London, The UK and SNV, The Hague the Netherlands.
- [4] Brohman.J (1996), “New Directions in Tourism for the Third World”, *Annals of Tourism Research*, Vol.23, No.1.
- [5] David Harrison, Steven Schipani (2007), “Lao Tourism and Poverty Alleviation: Community-Based”, *Tourism and the Private Sector*, Vol.10, No.2-3.

- [6] David Weaver, Laura Lawton (2009), *Tourism Management*, Wiley Publisher, CA (USA).
- [7] Harold Goodwin and Rosa Santilli (2009), "Community based tourism: a success?", *IRCT occasional paper 11*, Vol.37, No.1.
- [8] Kontogeorgopoulos. N (2005), "Community based ecotourism in Phuket and Ao Phangnha Thailand: partial victories and bittersweet remedies", *Journal of Sustainable Tourism*, Vol.13.
- [9] Kontogeorgopoulos. N, Anuwat Churyen, Varaphorn Duangsaeng (2013), "Success Factors in Community-Based Tourism in Thailand: The Role of Luck, External Support, and Local Leadership", *Tourism Planning & Development*, Vol.11, No.1.
- [10] Lisa Hiwasaki (2006), "Community-Based Tourism: A Pathway to Sustainability for Japan's Protected Areas", *Society & Natural Resources An International Journal*, Vol.19, No. 8.
- [11] Maureen Greed (1997), "Power relations and community - based tourism planning", *Annals of Tourism Research*, Vol.24, No.3.
- [12] McIntosh, R., Goeldner, C. (1990), *Tourism: Principles, Practices, Philosophies* (6th ed.), John Wiley & Sons, Inc, New York.
- [13] Nicole Hausler and Wolfgang Strasdas (2000), *Community - based Sustainable Tourism: A Reader*, ASSET Press.
- [14] Reid. D (2003), *Tourism, globalisation and development: responsible tourism planning*, Pluto Press, London (UK).
- [15] Rozemeijer. N (2001), *Community - based tourism in Botswana: the SNV experience in three community based tourism projects*, SNV/IUCN CBNRM support programme, Botswana.
- [16] Russell. P. (2000), "Community - based tourism", *Travel & Tourism Analyst*, No.5.
- [17] Scheyvens. R (2002), "Case study: ecotourism and empowerment of local communities", *Tourism Management*, Vol.20, No.2.
- [18] Sharon Harwood (2010), "Planning for community - based tourism in a remote location", *Sustainability*, Vol.2.
- [19] Tomás López - Guzmán, Sandra Sánchez-Cañizares, Víctor Pavón (2011), Community-based tourism in developing country: a case study, *Journal of Tourism*, Volume 6, No. 1.
- [20] Zebu E.H. & Bush M.L. (1990), "Park-People relationships: an international review", *Landscape and Urban Planning*, Vol.19.
- [21] Wheeler. B (1992), "Is progressive tourism appropriate?", *Tourism Management*, Vol.13, No.1.
- [22] http://www.widecast.org/Resources/Docs/WWF_2001_Community_Based_Ecotourism_Develop.pdf